

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP JSC VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP JSC VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JSC VINA GENERAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JSC VINA GENTRA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108421437

**3. Ngày thành lập:** 04/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Chiền, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 09 6164 0969

Fax:

Email: [thuantt.jsc@gmail.com](mailto:thuantt.jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                            | 1812     |
| 2.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                            | 4761     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                   | 4101     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                            | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                 | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                   | 4229     |
| 7.  | Xây dựng công trình thủy                                                                            | 4291     |
| 8.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                     | 4292     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                              | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                   | 4312     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                               | 4321     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                               | 4322     |
| 13. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp, sửa chữa linh kiện điện thoại. | 2610     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                  | 2640     |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                               | 4293     |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                          | 4299     |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                      | 4330     |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                 | 4390     |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                    | 5610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5621        |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5629        |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Bán buôn các loại đồ dùng an toàn trong các xưởng sản xuất điện tử như: quần áo, gang tay, tất, ủng tĩnh điện, bảo hộ ....                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 26. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1811        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659        |
| 28. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752(Chính) |
| 32. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 33. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4223        |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329        |
| 35. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641        |
| 36. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 37. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại đồ dùng an toàn trong các xưởng sản xuất điện tử như: quần áo, gang tay, tất, ủng tĩnh điện, bảo hộ ....                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799        |
| 38. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm bảo hộ lao động, giẻ lau phòng sạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 39. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 40. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1709        |

|     |                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------|------|
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 42. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet | 4791 |
| 43. | Xây dựng công trình đường sắt                           | 4211 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THI THUÂN

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 26/07/1977

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036177001949

Ngày cấp: 15/08/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH2101-T01-C37, TDP số 10, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH2101-T01-C37, TDP số 10, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: TRẦN THI THUÂN

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/07/1977

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036177001949

Ngày cấp: 15/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH2101-T01-C37, TDP số 10, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH2101-T01-C37, TDP số 10, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội